**Danh sách thông báo về dự thảo và quy định có hiệu lực về an toàn thực phẩm và kiểm dịch động,   
thực vật của các thành viên Tổ chức Thương mại thế giới (WTO) từ ngày 21/12/2022-20/01/2023**

1. **Danh sách dự thảo lấy ý kiến góp ý**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Mã WTO** | **Lĩnh vực** | **Quốc gia** | **Ngày thông báo** | **Tiêu đề** | **Tóm tắt** |
| 1 | G/SPS/N/UGA/232 | BVTV | Uganda | 20/01/2023 | DUS 1584:2023, Đặc điểm kỹ thuật - Phân bón hữu cơ; Phiên bản thứ hai. | Dự thảo Tiêu chuẩn của Uganda quy định các yêu cầu, phương pháp lấy mẫu và thử nghiệm đối với phân bón hữu cơ.  Phân hữu cơ là nguồn khoáng chất có sẵn trong tự nhiên chứa một lượng vừa phải các chất dinh dưỡng cần thiết cho cây trồng. Phân bón hữu cơ bao gồm nhiều thành phần có nguồn gốc từ thực vật, từ nguyên liệu thực vật tươi hoặc khô đến phân động vật và chất độn chuồng cho đến các sản phẩm phụ của nông nghiệp. Hàm lượng dinh dưỡng của phân bón hữu cơ rất khác nhau giữa các nguồn nguyên liệu.  Các loại phân bón hữu cơ thường được sử dụng bao gồm phân động vật ủ, phân hữu cơ, bùn thải, chất thải chế biến thực phẩm và chất rắn sinh học đô thị. Ví dụ về phân bón hữu cơ tự nhiên bao gồm phân chuồng, bùn, phân trùn quế, than bùn, rong biển và phân chim...  Phân chuồng là một loại phân hữu cơ được sử dụng để bón cho đất sau khi chất thải động vật bị phân hủy do vi khuẩn và nấm. Ủ phân mất một thời gian tương đối dài. Phân hoai mục này sau đó được sử dụng trong nông nghiệp để tăng và thúc đẩy năng suất đất. Phân chuồng hoai mục chứa N (0,5%), P₂O₅ (0,3%), K₂O (0,5%). Phân chuồng được sử dụng làm phân bón, cải thiện năng suất của đất bằng cách cung cấp gần như tất cả các nguyên tố cần thiết cho cây trồng.  Phân bón hữu cơ là một giải pháp thay thế để giảm thiểu ô nhiễm môi trường có thể do sử dụng quá nhiều phân bón vô cơ. |
| 2 | G/SPS/N/TUR/133 /Corr.1 | TY | Thổ Nhĩ Kỳ | 20/01/2023 | Thổ Nhĩ Kỳ đính chính Giấy chứng nhận sức khỏe Thú y | Có một số lỗi nhỏ trong cách diễn đạt của giấy chứng nhận Thú y (trong phần 1.24. Loại bao bì). Giấy chứng nhận đã sửa những lỗi này/cập nhật được đính kèm ở đường link bên dưới:  <https://members.wto.org/crnattachments/2023/SPS/TUR/23_0521_00_x.pdf>  <https://members.wto.org/crnattachments/2023/SPS/TUR/23_0521_01_x.pdf>  <https://members.wto.org/crnattachments/2023/SPS/TUR/23_0521_02_x.pdf>  <https://members.wto.org/crnattachments/2023/SPS/TUR/23_0521_03_x.pdf>  <https://members.wto.org/crnattachments/2023/SPS/TUR/23_0521_04_x.pdf>  <https://members.wto.org/crnattachments/2023/SPS/TUR/23_0521_05_x.pdf> |
| 3 | G/SPS/N/EU/610 | TY | Liên minh châu Âu | 20/01/2023 | Quy định của Ủy ban (EU) số 2023/119 sửa đổi Quy định 2020/692 và bổ sung Quy định 2016/429 của Nghị viện và Hội đồng châu Âu liên quan đến việc di chuyển và xử lý sau khi nhập các lô hàng của một số động vật sống và sản phẩm có nguồn gốc từ động vật | Các yêu cầu về sức khỏe động vật khi nhập cảnh vào Liên minh châu Âu đối với động vật sống và các sản phẩm có nguồn gốc từ động vật dùng làm thực phẩm cho con người. |
| 4 | G/SPS/N/TUR/133 | TY, CN | Thổ Nhĩ Kỳ | 19/01/2023 | Giấy chứng nhận sức khỏe Thú y của Thổ Nhĩ Kỳ | Các quy tắc, thủ tục và các mẫu liên quan đến giấy chứng nhận sức khỏe thú y do Bộ Nông nghiệp và Lâm nghiệp Thổ Nhĩ Kỳ quy định theo khoản 7 Điều 31 của Luật số 5996 (G/SPS/N/TUR/9).  Các mẫu giấy chứng nhận sức khỏe thú y dưới đây tuân thủ Quy định của Ủy ban (EU) số 142/2011 ngày 25 tháng 2 năm 2011 và Quy định thực hiện của Ủy ban (EU) 2020/2235:  – Giấy chứng nhận sức khỏe thú y đối với các sản phẩm trung gian được sử dụng để sản xuất dược phẩm, sản phẩm thuốc thú y, thiết bị y tế cho mục đích y tế và thú y,...;  − Giấy chứng nhận sức khỏe thú y đối với các sản phẩm phụ trong nuôi trồng thủy sản dành riêng cho mục đích nuôi trồng thủy sản;  − Giấy chứng nhận sức khỏe thú y đối với hydrolysed protein, dicalcium phosphate và tricalcium phosphate không dành cho con người sử dụng làm nguyên liệu thức ăn chăn nuôi hoặc sử dụng bên ngoài chuỗi thức ăn chăn nuôi;  − Giấy chứng nhận sức khỏe thú y đối với các sản phẩm phụ của động vật được sử dụng cho các mục đích bên ngoài chuỗi thức ăn chăn nuôi hoặc để lấy mẫu thương mại;  − Giấy chứng nhận sức khỏe thú y đối với cá và các động vật thủy sinh khác không dùng làm thực phẩm cho con người được sử dụng làm nguyên liệu thức ăn chăn nuôi; |
| 5 | G/SPS/N/GBR/24 | ATTP, BVTV | Vương quốc Anh | 17/01/2023 | Vương quốc Anh đề xuất MRL cho spinetoram trong hoặc trên rau diếp | Đề xuất MRL spinetoram đối với rau diếp được giảm từ 10 mg/kg xuống giới hạn định lượng dựa trên đánh giá của Vương quốc Anh có thể xem tại liên kết sau: hse.gov.uk.  Đánh giá rủi ro cụ thể của Vương quốc Anh chứng minh rằng MRL hiện tại làm phát sinh phơi nhiễm cấp tính vượt quá ARfD (liều tham chiếu cấp tính). Do đó, MRL hiện tại không thể loại trừ các tác động có hại cho sức khỏe con người và chưa đáp ứng được mức độ bảo vệ thích hợp. |
| 6 | G/SPS/N/EU/609 | ATTP, BVTV, TY | Liên minh châu Âu | 17/01/2023 | Dự thảo Quy định của Ủy ban sửa đổi Phụ lục II và V của Quy định (EC) số 396/2005 của Nghị viện và Hội đồng châu Âu về mức dư lượng tối đa đối với bifenazate trong hoặc trên một số sản phẩm | Việc đánh giá rủi ro của người tiêu dùng về các MRL hiện có đối với bifenazate trên sản phẩm cây trồng ăn được không được hoàn thiện vì thông tin liên quan cần thiết để đảm bảo an toàn cho người tiêu dùng không được cung cấp và không thể xác định được độc tính của chất chuyển hóa có liên quan. Do đó, bifenazate chỉ được phép sử dụng trong các loại cây trồng không ăn được trong nhà kính lâu dài và MRL thấp hơn được thiết lập |
| 7 | G/SPS/N/EU/608 | ATTP, BVTV | Liên minh châu Âu | 16/01/2023 | Dự thảo Quy định thực hiện của Ủy ban rút lại việc phê duyệt hoạt chất ipconazole theo Quy định (EC) số 1107/2009 của Nghị viện và Hội đồng châu Âu, sửa đổi Quy định thực hiện của Ủy ban (EU) số 540/2011 và bãi bỏ Quy định thực hiện của Ủy ban (EU) ) Số 571/2014 | Dự thảo rút lại phê duyệt hoạt chất ipconazol theo Quy định (EC) số 1107/2009.  Để một hoạt chất được phê duyệt theo Quy định (EC) số 1107/2009 (liên quan đến việc đưa các sản phẩm bảo vệ thực vật ra thị trường), phải chứng minh rằng hoạt chất đó không gây hại cho sức khỏe con người, động vật hoặc môi trường. Các tiêu chí được liệt kê trong Điều 4 của Quy định (và cũng được nêu chi tiết trong Phụ lục II kèm theo) phải được đáp ứng để được phê duyệt.  Các hoạt chất có thể được xem xét lại bất cứ lúc nào khi có những dấu hiệu cho thấy hoạt chất đó không còn đáp ứng các tiêu chí phê duyệt được nêu trong Điều 4 của Quy định (EC) số 1107/2009 dưới cơ sở của kiến thức khoa học và kỹ thuật mới.  Các chất được hoặc phải được phân loại là độc hại đối với sinh sản loại 1B (R1B) theo Quy định (EC) số 1272/2008 không thể được phê duyệt trừ khi việc tiếp xúc với con người được chứng minh là không đáng kể trong điều kiện sử dụng thực tế.  Quy định của Ủy ban (EU) 2020/1182 đã sửa đổi Phụ lục VI của Quy định (EC) số 1272/2008 và phân loại ipconazole là chất độc đối với sinh sản loại 1B.  Không thể kết luận mức độ phơi nhiễm đáng kể với ipconazole ở người do những hạn chế với dữ liệu hiện có.  Ngoài ra, Cơ quan An toàn thực phẩm châu Âu đã kết luận rằng nguy cơ cao về lâu dài đối với gia cầm từ việc sử dụng ipconazole.  Điều này có nghĩa là ipconazole không còn đáp ứng các tiêu chí phê duyệt như đã nêu trong Quy định (EC) số 1107/2009 và do đó, việc phê duyệt sẽ bị rút lại. Các quốc gia thành viên EU phải thu hồi các sản phẩm bảo vệ thực vật hiện có có chứa ipconazole chậm nhất là 03 tháng kể từ ngày có hiệu lực. Thời gian gia hạn theo Điều 46 của Quy định 1107/2009 được cho phép và sẽ hết hạn sau 06 tháng kể từ khi có hiệu lực.  Quyết định này chỉ liên quan đến việc đưa ra thị trường chất này và các sản phẩm bảo vệ thực vật có chứa chất này. Sau khi rút lại phê duyệt và hết thời gian ân hạn đối với kho sản phẩm có chứa chất này, hành động riêng biệt có thể được thực hiện đối với MRL, trong trường hợp đó, một thông báo riêng sẽ được đưa ra theo thủ tục SPS.  Dự thảo Quy định này của Ủy ban cũng đã được thông báo theo Hiệp định TBT trong thông báo G/TBT/N/EU/944. |
| 8 | G/SPS/N/HND/64 | BVTV | Honduras | 13/01/2023 | Quy định về đăng ký, sử dụng và kiểm soát các sản phẩm kiểm dịch thực vật | Mục đích của quy định này là thiết lập các kỹ thuật, hành chính và pháp lý được quy định trong Luật kiểm dịch động, thực vật về đăng ký, nhập khẩu, sản xuất, đóng gói, vận chuyển, lưu trữ, phân phối, bán, sử dụng, quản lý, thử nghiệm (nghiên cứu) và xuất khẩu sản phẩm thực vật. |
| 9 | G/SPS/N/AUS/559 | TY | Úc | 13/01/2023 | Rà soát nguy cơ vi-rút bệnh dại ở chó, mèo và tinh dịch chó nhập khẩu từ các quốc gia được phê duyệt – Báo cáo cuối cùng. | Úc đã công bố báo cáo đánh giá rủi ro vi rút bệnh dại ở chó, mèo và tinh dịch chó nhập khẩu từ các quốc gia được phê duyệt – Báo cáo cuối cùng vào ngày 12 tháng 01 năm 2023. Tất cả các ý kiến đóng góp cho dự thảo báo cáo đánh giá chính sách này đã được xem xét trong quá trình hoàn thiện.  Các điều kiện nhập khẩu mới sẽ được thực hiện từ ngày 01 tháng 3 năm 2023. Thông tin chi tiết về các điều kiện nhập khẩu sẽ được cung cấp trên trang web của Bộ tại: <https://Agricultural.gov.au/biosecuritytrade/cats-dogs/step-by-step-guides> trước khi thực hiện.  Chứng nhận mẫu bao gồm giấy chứng nhận sức khỏe xuất khẩu thú y đã được cung cấp có thể được sử dụng để tạo thuận lợi cho thương mại ngay sau khi thực hiện. Úc muốn bắt đầu đàm phán về các giấy chứng nhận sức khỏe thú y cụ thể với tất cả các quốc gia được phê duyệt trước ngày 01 tháng 9 năm 2023. |
| 10 | G/SPS/N/TZA/233 | QLCL | Cộng hòa Thống nhất Tanzania | 10/01/2023 | PCD 438:202: - Đặc tính kỹ thuật -Hải sâm khô; Ấn bản lần thứ nhất | Dự thảo tiêu chuẩn này quy định các yêu cầu, phương pháp lấy mẫu và thử nghiệm hải sâm khô thuộc loài *Holothuria scabra* dùng làm thực phẩm cho người và/hoặc để chế biến tiếp |
| 11 | G/SPS/N/TZA/232 | QLCL | Cộng hòa Thống nhất Tanzania | 10/01/2023 | PCD 437: 2022: Quy tắc thực hành nuôi trồng thủy sản tốt (GAqP) đối với rong biển; Ấn bản lần thứ nhất. | Quy phạm thực hành nuôi trồng thủy sản tốt này quy định các hướng dẫn chung về thực hành và các yêu cầu vệ sinh trong sản xuất và xử lý rong biển |
| 12 | G/SPS/N/TZA/231 | QLCL | Cộng hòa Thống nhất Tanzania | 10/01/2023 | PCD 436:2022: Đặc điểm kỹ thuậ - Bột rong biển; Ấn bản lần thứ nhất | Dự thảo tiêu chuẩn này quy định các yêu cầu, phương pháp lấy mẫu và thử nghiệm bột rong biển dùng cho người hoặc dùng trong công nghiệp |
| 13 | G/SPS/N/TZA/230 | QLCL | Cộng hòa Thống nhất Tanzania | 10/01/2023 | PCD 435:2022: Đặc điểm kỹ thuật - Rong biển khô thô; Ấn bản lần thứ nhất | Dự thảo tiêu chuẩn này quy định các yêu cầu, phương pháp lấy mẫu và thử nghiệm rong biển thô khô thuộc nhóm *Rhodophyceae* (rong đỏ), nhưng không giới hạn ở *Cottonii (Kappaphycus spp.)* và *Spinosum (Eucheuma spp.)* dùng làm thức ăn cho người hoặc dùng trong công nghiệp |
| 14 | G/SPS/N/TUR/132 | ATTP, BVTV, TY, CT, QLCL | Thổ Nhĩ Kỳ | 10/01/2023 | Quy định Codex thực phẩm Thổ Nhĩ Kỳ về tiêu chí vi sinh | Quy định này bao gồm các tiêu chí vi sinh đối với thực phẩm và các quy tắc mà các nhà kinh doanh thực phẩm phải tuân thủ. Quy chuẩn bao gồm:  − Phụ lục I: Tiêu chí an toàn thực phẩm;  − Phụ lục II: Tiêu chí vệ sinh quá trình;  − Phụ lục III: Giới hạn vi sinh vật gây bệnh;  - Phụ lục IV: Quy tắc lấy mẫu và chuẩn bị mẫu thử. Với việc ban hành quy định mới, quy định của bộ luật thực phẩm Thổ Nhĩ Kỳ về tiêu chí vi sinh được công bố trên Công báo ngày 29 tháng 12 năm 2011 và được đánh số 28157 sẽ bị bãi bỏ. |
| 15 | G/SPS/N/TUR/131 | BVTV | Thổ Nhĩ Kỳ | 10/01/2023 | Quy định liên quan đến việc các vật liệu đóng gói bằng gỗ phải tuân theo quy trình xử lý nhiệt và việc đánh dấu | Mục tiêu của Quy định này là xác định các phương pháp và cơ sở cần thiết để ngăn chặn sự lây truyền và lây lan của các sinh vật gây hại thông qua các vật liệu đóng gói bằng gỗ.  Quy định này bao gồm các nguyên tắc liên quan đến ứng dụng xử lý nhiệt và đánh dấu ISPM 15 và đánh dấu truy xuất nguồn gốc trên vật liệu đóng gói bằng gỗ được sử dụng trong xuất khẩu, cấp giấy phép chứng nhận, doanh nghiệp được cấp phép, doanh nghiệp không được phép, nhà cung cấp, người sử dụng, giấy phép lắp đặt lò xử lý nhiệt HT/DH và thiết bị đánh dấu giấy phép bán hàng, kiểm tra và trách nhiệm của doanh nghiệp và kiểm tra vật liệu đóng gói bằng gỗ, nhằm ngăn chặn sự lây lan của các sinh vật gây hại mang theo vật liệu đóng gói bằng gỗ.  Quy định bao gồm các nguyên tắc chỉ liên quan đến các giai đoạn sản xuất vật liệu đóng gói bằng gỗ đã hoàn thành và loại bỏ các sinh vật gây hại.  Quy định giới thiệu ứng dụng ảnh ba chiều bảo mật và được giải thích trong điều 3 và 4. |
| 16 | G/SPS/N/JPN/1171 | ATTP, BVTV, CT | Nhật Bản | 10/01/2023 | Sửa đổi các thông số kỹ thuật và tiêu chuẩn đối với thực phẩm, phụ gia thực phẩm, v.v. theo luật vệ sinh thực phẩm (sửa đổi tiêu chuẩn dư lượng hóa chất nông nghiệp). | Thông báo về quy định đã thông qua hoặc có hiệu lực về giới hạn dư lượng tối đa (MRL) cho: Florasulam, etofenprox, 1,2-dichlorobenzene, didecyldimethylammonium, cloxacillin, tetraconazole, nicarbazin, fenpyroximate, fluensulfone |
| 17 | G/SPS/N/EU/607 | ATTP, TY, CT | Liên minh châu Âu | 10/01/2023 | Quy định thực thi của Ủy ban (EU) 2023/65 ngày 6 tháng 01 năm 2023 sửa đổi Quy định thực thi (EU) 2017/2470 thiết lập danh sách thực phẩm mới của Liên minh, Quy định thực thi (EU) 2018/1648 cho phép đưa xylo-oligosaccharides ra thị trường như một loại thực phẩm mới, Quy định thực thi (EU) 2019/1686 cho phép mở rộng sử dụng whey protein phân lập từ sữa bò như một loại thực phẩm mới và Quy định thực thi (EU) 2021/96 cho phép đưa muối natri 3'-sialyllactose ra thị trường như một loại thực phẩm mới | Biện pháp này liên quan đến việc sửa đổi danh sách thực phẩm mới của Liên minh nhằm sửa một số lỗi được xác định trong danh sách thực phẩm mới của Liên minh (Quy định thực hiện (EU) 2017/2470). |
| 18 | G/SPS/N/AUS/558 | BVTV | Úc | 10/01/2023 | [Yêu cầu đối với nước nhập khẩu của Úc đối với giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật từ ngày 01 tháng 5 năm 2023.](http://www.spsvietnam.gov.vn/notice/detailvn.aspx?pageid=70&mid=783&item=7696) | Thông báo này mô tả các yêu cầu của Úc đối với việc chấp nhận giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật bằng giấy đối với việc nhập khẩu hàng hóa có nguồn gốc thực vật vào Úc từ ngày 01 tháng 5 năm 2023.  Cần phải làm rõ do việc chấm dứt chính sách tạm thời trong thời gian tác động cao nhất của COVID-19 và việc xuất trình các bản sao cứng (giấy) của giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật không được ký, ghi ngày tháng và đóng dấu theo ISPM 12.  Từ ngày 01 tháng 5 năm 2023, giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật bằng giấy phải có tất cả các thông tin bắt buộc theo ISPM12, bao gồm cả việc được ký, ghi ngày tháng và đóng dấu. Điều này áp dụng cho tất cả các giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật bằng giấy đề ngày vào hoặc sau ngày 01 tháng 5 năm 2023. Úc sẽ không chấp nhận giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật bằng giấy đề ngày vào hoặc sau ngày 01 tháng 5 năm 2023 chỉ có mã QR và không có chữ ký, ngày tháng và con dấu. Úc sẽ không chấp nhận ePhytos hoặc eCerts mà không có thỏa thuận trước và các thỏa thuận trao đổi điện tử.  Giấy chứng nhận phù hợp với ISPM 12 sẽ tiếp tục được yêu cầu cho đến khi ePhytos hoặc eCerts được đàm phán song phương giữa Úc và NPPO xuất khẩu.  Chi tiết về thông báo được cung cấp trong Thông báo Tư vấn Ngành sau: https://www.agriculture.gov.au/biosecurity-trade/import/industry-advice/2023/02-2023 |
| 19 | G/SPS/N/USA/3362 | ATTP, BVTV | Hoa Kỳ | 09/01/2023 | Tiếp nhận một số đơn kiện về dư lượng hóa chất thuốc trừ sâu trong hoặc trên các loại hàng hóa khác nhau. Thông báo nộp đơn kiến nghị và góp ý | Cơ quan bảo vệ Môi trường Hoa Kỳ đã nhận được một số hồ sơ ban đầu về đơn kiến nghị thuốc trừ sâu yêu cầu thiết lập hoặc sửa đổi các quy định về dư lượng hóa chất thuốc trừ sâu trong hoặc trên các loại hàng hóa khác nhau. |
| 20 | G/SPS/N/KOR/771 | QLCL, TY | Hàn Quốc | 06/01/2023 | Đề xuất sửa đổi “Luật kiểm soát dịch bệnh sinh vật thủy sản" | Sửa đổi Luật kiểm soát dịch bệnh thủy sản như sau:  (1) Ban hành hệ thống đăng ký cơ sở nội địa xuất khẩu động vật thủy sản và xây dựng các tiêu chuẩn mới để kiểm soát dịch bệnh thủy sản xuất khẩu;  (2) Giới thiệu hệ thống đăng ký của các cơ sở nước ngoài và thiết lập cơ sở pháp lý cho việc kiểm tra tại chỗ được tiến hành ở nước ngoài;  (3) Bổ sung cơ sở pháp lý để xử lý hàng cấm nhập khẩu;  (4) Để bổ sung các chi tiết yêu cầu khác cho quy trình kiểm soát dịch bệnh trong nước |
| 21 | G/SPS/N/JPN/1170 | TY, CN | Nhật Bản | 06/01/2023 | Mở rộng chăn nuôi mục tiêu của thức ăn với 25-Hydroxycholecalciferoll | Bộ Nông nghiệp, Lâm nghiệp và Thủy sản Nhật Bản sẽ sửa đổi tiêu chuẩn về phương pháp sản xuất và tiêu chuẩn kỹ thuật đối với các thành phần của thức ăn chăn nuôi nói chung được quy định trong “Sắc lệnh cấp Bộ về Quy cách và Tiêu chuẩn Thức ăn chăn nuôi và Phụ gia thức ăn chăn nuôi” (Sắc lệnh số 35 ngày 24 tháng 7 năm 1976 của Bộ Nông Lâm nghiệp ).  (Đề xuất sửa đổi)  Hàm lượng 25-hydroxycholecalciferol trong thức ăn không được vượt quá 100 mg/tấn thức ăn cho bò, 50 mg/tấn thức ăn cho lợn và/hoặc 80 mg/tấn thức ăn cho gà.  25-hydroxycholecalciferol chỉ được phép sử dụng làm phụ gia thức ăn chăn nuôi cho bò, lợn và gà |
| 22 | G/SPS/N/JPN/1169 | TY, CT | Nhật Bản | 06/01/2023 | [Sửa đổi các thông số kỹ thuật và tiêu chuẩn đối với thực phẩm, phụ gia thực phẩm, v.v. theo luật vệ sinh thực phẩm (sửa đổi tiêu chuẩn dư lượng hóa chất nông nghiệp).](http://www.spsvietnam.gov.vn/notice/detailvn.aspx?pageid=70&mid=783&item=7680) | Đề xuất giới hạn dư lượng tối đa (MRLs) đối với hóa chất nông nghiệp sau:  Thuốc thú y: Mosapride  Ví dụ:  Sữa: Mức giới hạn dư lượng hiện tại: không có; Mức giới hạn dư lượng dự thảo: 0,01 ppm |
| 23 | G/SPS/N/JPN/1168 | ATTP, BVTV, TY, CT | Nhật Bản | 06/01/2023 | [Sửa đổi các thông số kỹ thuật và tiêu chuẩn đối với thực phẩm, phụ gia thực phẩm, v.v. theo luật vệ sinh thực phẩm (sửa đổi tiêu chuẩn dư lượng hóa chất nông nghiệp).](http://www.spsvietnam.gov.vn/notice/detailvn.aspx?pageid=70&mid=783&item=7680) | Giới hạn dư lượng tối đa được đề xuất (MRL) đối với hóa chất nông nghiệp sau:  Thuốc trừ sâu: Pyriproxyfen  Ví dụ:  Xoài: Mức giới hạn dư lượng không đổi: 1 ppm  Chuối: Mức giới hạn dư lượng hiện tại: không có; Mức giới hạn dư lượng dự thảo: 0,7 ppm |
| 24 | G/SPS/N/JPN/1167 | ATTP, BVTV, TY, CT | Nhật Bản | 06/01/2023 | [Sửa đổi các thông số kỹ thuật và tiêu chuẩn đối với thực phẩm, phụ gia thực phẩm, v.v. theo luật vệ sinh thực phẩm (sửa đổi tiêu chuẩn dư lượng hóa chất nông nghiệp).](http://www.spsvietnam.gov.vn/notice/detailvn.aspx?pageid=70&mid=783&item=7680) | Đề xuất giới hạn dư lượng tối đa (MRLs) đối với hóa chất nông nghiệp sau:  Thuốc trừ sâu: Methoxyfenozide  Ví dụ:  Quả bơ: Mức giới hạn dư lượng không đổi: 0,7 ppm  Mỡ gà: Mức giới hạn dư lượng hiện tại: 0,02 ppm; Mức giới hạn dư lượng dự thảo: 0,01 ppm |
| 25 | G/SPS/N/JPN/1166 | ATTP, BVTV, TY, CT | Nhật Bản | 06/01/2023 | [Sửa đổi các thông số kỹ thuật và tiêu chuẩn đối với thực phẩm, phụ gia thực phẩm, v.v. theo luật vệ sinh thực phẩm (sửa đổi tiêu chuẩn dư lượng hóa chất nông nghiệp).](http://www.spsvietnam.gov.vn/notice/detailvn.aspx?pageid=70&mid=783&item=7680) | Đề xuất giới hạn dư lượng tối đa (MRLs) đối với nông dược sau:  Thuốc trừ sâu: Isofetamid  Ví dụ:  Quả nho: Mức giới hạn dư lượng không đổi: 7 ppm  Đậu khô: Mức giới hạn dư lượng hiện tại: 0,05 ppm; Mức giới hạn dư lượng dự thảo: 0,09 ppm |
| 26 | G/SPS/N/JPN/1165 | ATTP, BVTV, TY, CT | Nhật Bản | 06/01/2023 | [[Sửa đổi các thông số kỹ thuật và tiêu chuẩn đối với thực phẩm, phụ gia thực phẩm, v.v. theo luật vệ sinh thực phẩm (sửa đổi tiêu chuẩn dư lượng hóa chất nông nghiệp).](http://www.spsvietnam.gov.vn/notice/detailvn.aspx?pageid=70&mid=783&item=7680)](http://www.spsvietnam.gov.vn/notice/detailvn.aspx?pageid=70&mid=783&item=7680) | Đề xuất giới hạn dư lượng tối đa (MRLs) đối với hóa chất nông nghiệp sau:  Thuốc trừ sâu: Acequinocyl  Ví dụ:  Cà tím: Mức giới hạn dư lượng không đổi: 1 ppm  Dưa Makuwauri: Mức giới hạn dư lượng hiện tại: Không có; Mức giới hạn dư lượng hiện tại: 0,1 ppm |
| 27 | G/SPS/N/BRA/2129 | ATTP, BVTV | Bra-xin | 06/01/2023 | [Dự thảo Nghị quyết số 1138, ngày 29 tháng 12 năm 2022](http://www.spsvietnam.gov.vn/notice/detailvn.aspx?pageid=70&mid=783&item=7685) | Dự thảo nghị quyết đề xuất đưa tiểu mục D27.5 - 2,4-D-DIETHANOLAMINE vào chuyên luận hoạt chất D27 - 2,4-D (2,4-D) trong Phụ lục của Hướng dẫn tiêu chuẩn - Số 103, ngày 19 tháng 10 năm 2021 vào Danh sách chuyên khảo về các thành phần hoạt chất cho thuốc trừ sâu, sản phẩm tẩy rửa gia dụng và chất bảo quản gỗ |
| 28 | G/SPS/N/USA/3361 | ATTP, BVTV, TY | Hoa Kỳ | 05/01/2023 | Dung sai thuốc trừ sâu [Simazine](http://www.spsvietnam.gov.vn/notice/detailvn.aspx?pageid=70&mid=783&item=7661); Quy tắc cuối cùng | Quy định này thiết lập mức cho phép đối với dư lượng simazine trong hoặc trên trái cây có múi (nhóm cây trồng 10-10), quả lựu (nhóm cây trồng 11-10), quả hạch (nhóm cây trồng 12-12) và quả hạch (nhóm cây trồng 14-12) ) và sửa đổi dung sai cho dư lượng trong hoặc trên vỏ hạnh nhân |
| 29 | G/SPS/N/KOR/770 | ATTP, BVTV, TY, CT, QLCL | Hàn Quốc | 05/01/2023 | Đề xuất sửa đổi “Đạo luật đặc biệt về kiểm soát an toàn thực phẩm nhập khẩu" | Đề xuất sửa đổi “Đạo luật đặc biệt về kiểm soát an toàn thực phẩm nhập khẩu"  Trong trường hợp đăng ký của cơ sở thực phẩm nước ngoài (cơ sở nước ngoài) đã bị thu hồi do thực tế là việc đăng ký được thực hiện bằng gian lận hoặc các phương tiện không phù hợp khác, cơ sở thực phẩm nước ngoài (cơ sở nước ngoài) đó không thể nộp đơn đăng ký trong hai năm kể từ ngày thu hồi.  Ngoài ra, khi một cơ sở thực phẩm nước ngoài (cơ sở nước ngoài) rút lại đăng ký sau khi MFDS thông báo lịch kiểm tra tại chỗ cho cơ sở, thì cơ sở đó có thể đăng ký sau khi nhận được kết quả kiểm tra tại chỗ |
| 30 | G/SPS/N/KOR/769 | ATTP, BVTV, TY, CT, QLCL | Hàn Quốc | 05/01/2023 | Đề xuất sửa đổi các tiêu chuẩn và thông số kỹ thuật cho thực phẩm. | Đề xuất sửa đổi các tiêu chuẩn và thông số kỹ thuật cho thực phẩm:  1) Làm rõ tiêu chuẩn áp dụng các chất nhiễm bẩn, thuốc bảo vệ thực vật, thuốc thú y;  2) Rà soát, xây dựng mức giới hạn tối đa dư lượng thuốc bảo vệ thực vật trong nông sản;  3) Rà soát, xây dựng mức giới hạn tối đa dư lượng thuốc thú y;  4) Sửa đổi và thiết lập phương pháp kiểm tra chung |
| 31 | G/SPS/N/KOR/768 | ATTP, CT | Hàn Quốc | 05/01/2023 | Đề xuất sửa đổi “Luật đặc biệt về kiểm soát an toàn thực phẩm nhập khẩu". | Đề xuất sửa đổi “Luật đặc biệt về kiểm soát an toàn thực phẩm nhập khẩu".  - Quy định mới về tiêu chuẩn xác định chất cấm nhập khẩu như chất ma túy, dược chất đối với thực phẩm mua trực tiếp từ nước ngoài. Khi chỉ định các chất bị cấm nhập cảnh, tên của chất, lý do chỉ định và ngày chỉ định sẽ được công bố và đăng trên trang web sau khi cân nhắc và quyết định bởi một ủy ban.  − Cho đến nay, các sản phẩm được coi là cùng một sản phẩm của cùng một công ty khi chúng được sản xuất từ cùng một cơ sở thực phẩm nước ngoài và có cùng tên sản phẩm, phương pháp sản xuất và nguyên liệu thô. Nhưng đối với sản phẩm chế biến và sản phẩm chăn nuôi, tên sản phẩm sẽ bị loại trừ như một điều kiện do ít liên quan đến tính an toàn của sản phẩm.  − Các loại chứng nhận quản lý an toàn thực phẩm để lựa chọn, nếu có, sẽ được quy định cụ thể bằng cách bổ sung GMP và GFSI vào HACCP và ISO22000 hiện hành đối với các cơ sở thực phẩm nước ngoài xin đăng ký |
| 32 | G/SPS/N/IND/290 | BVTV, TY | Ấn Độ | 05/01/2023 | Dự thảo Quy định về tiêu chuẩn và an toàn thực phẩm (Thực phẩm biến đổi gen), 2022. | Dự thảo thông báo quy định về tiêu chuẩn và an toàn thực phẩm (Thực phẩm biến đổi gen) 2022 liên quan đến tiêu chuẩn đối với thực phẩm biến đổi gen |
| 33 | G/SPS/N/IND/289 | CT | Ấn Độ | 05/01/2023 | Dự thảo Tiêu chuẩn và an toàn thực phẩm (Tiêu chuẩn sản phẩm thực phẩm và phụ gia thực phẩm), sửa đổi Quy định, 2022. | Dự thảo Thông báo tiêu chuẩn và an toàn thực phẩm (Tiêu chuẩn sản phẩm thực phẩm và phụ gia thực phẩm), sửa đổi Quy định, 2022 liên quan đến tiêu chuẩn về dải chiết suất cho cọ, Superolin, Xúc xích thịt, Tarragon khử nước, Nước uống đóng gói (trừ nước khoáng),Thực phẩm độc quyền, Mithais Ấn Độ, Namkeens Ấn Độ, Màu thực phẩm, Phụ lục A và Phụ lục C. |
| 34 | G/SPS/N/CAN/1469 | ATTP, BVTV | Canada | 05/01/2023 | [Giới hạn dư lượng tối đa được đề xuất: Ipflufenoquin (PMRL2022-24)](http://www.spsvietnam.gov.vn/notice/detailvn.aspx?pageid=70&mid=783&item=7668) | Mục tiêu của tài liệu được thông báo PMRL2022-24 là đề xuất về các giới hạn dư lượng tối đa (MRL) được liệt kê đối với ipflufenoquin đã được đề xuất bởi Cơ quan quản lý dịch hại của Bộ Y tế Canada (PMRA).   |  |  | | --- | --- | | MRL (ppm)1 | Hàng hóa Nông nghiệp Thô (RAC) và/hoặc Hàng hóa Chế biến | | 0,15 | Quả lựu (nhóm cây trồng 11-09) | | 0,01 | hạt hạnh nhân |   1ppm = phần triệu |
| 35 | G/SPS/N/BRA/2128 | ATTP, BVTV | Bra-xin | 05/01/2023 | [Dự thảo Nghị quyết số 1133, ngày 15 tháng 12 năm 2022](http://www.spsvietnam.gov.vn/notice/detailvn.aspx?pageid=70&mid=783&item=7669) | Dự thảo Nghị quyết này được xem xét đề xuất đưa các hoạt chất A02 - acephate, A41 - amicarbazon, C25.1 - cartap hydrochloride nay là mã C25; C63 - Lambda-cyhalothrin, C81 - cyclaniliprole, D25 - diurom, F24 - fenpropimorph, F55 - fenamidone, G05 - glufosinate, I30 - impirfluxam, M52 - mefentrifuconazole, O21 - oxathiapiproline, P52 - pymetrozine, P69 - pinoxadem và T54 - trifloxystrobin vào danh sách chuyên khảo về các thành phần hoạt chất cho thuốc trừ sâu, sản phẩm tẩy rửa gia dụng và chất bảo quản gỗ, được xuất bản bởi Hướng dẫn quy chuẩn số 103 - 19 tháng 10 năm 2021 trên Công báo Bra-xin (DOU - Diário Oficial da União). |
| 36 | G/SPS/N/BRA/2125 | ATTP, BVTV | Bra-xin | 05/01/2023 | [Dự thảo Nghị quyết số 1132, ngày 15 tháng 12 năm 2022](http://www.spsvietnam.gov.vn/notice/detailvn.aspx?pageid=70&mid=783&item=7672) | Dự thảo nghị quyết này được coi là đề xuất đưa hoạt chất B61: Baculovirus Spodoptera littoralis vào danh sách chuyên khảo về các hoạt chất cho thuốc trừ sâu, sản phẩm tẩy rửa gia dụng và chất bảo quản gỗ, được đăng bởi Chỉ thị quy phạm số 103 - 19 tháng 10 năm 2021 trên Công báo Bra-xin ( DOU - Diário Oficial da União). |
| 37 | G/SPS/N/BRA/2124 | ATTP, BVTV, TY, CT, QLCL | Bra-xin | 05/01/2023 | [Dự thảo Nghị quyết số 1134, ngày 23 tháng 12 năm 2022](http://www.spsvietnam.gov.vn/notice/detailvn.aspx?pageid=70&mid=783&item=7673) | Dự thảo Nghị quyết này đề xuất sửa đổi khung pháp lý hiện hành liên quan đến quy chuẩn kỹ thuật đối với bao bì, màng phủ, dụng cụ, nắp đậy và thiết bị kim loại tiếp xúc với thực phẩm.  Quy định này cũng sẽ được thông báo cho Ủy ban TBT |
| 38 | G/SPS/N/ZAF/78 | ATTP, BVTV | Nam Phi | 22/12/2022 | Quy định quản lý giới hạn tối đa dư lượng thuốc trừ sâu có thể có trong thực phẩm; Dự thảo sửa đổi. | Dự thảo sửa đổi quy định về giới hạn tối đa đối với dư lượng thuốc trừ sâu trong thực phẩm dưới sự kiểm soát của Bộ Y tế, theo Đạo luật Thực phẩm, Mỹ phẩm và Thuốc khử trùng, 1972 (Đạo luật 54 năm 1972) |
| 39 | G/SPS/N/SGP/81 | CT | Singapore | 22/12/2022 | Yêu cầu trước khi nhập khẩu đối với sản phẩm ngũ cốc dành cho trẻ sơ sinh | Một loạt các biện pháp kiểm soát trước khi nhập khẩu mới sẽ được áp dụng như một chương trình tự nguyện đối với các sản phẩm ngũ cốc dành cho trẻ sơ sinh. Các nhà nhập khẩu có thể đáp ứng các điều kiện nhập khẩu theo chương trình tự nguyện có thể đăng ký nhà cung cấp với Cơ quan Thực phẩm Singapore (SFA) và sẽ được miễn yêu cầu xét nghiệm Aflatoxin B1 hiện tại đối với mọi lô hàng. Đối với các nhà nhập khẩu không muốn tham gia chương trình tự nguyện, các biện pháp kiểm soát trước khi nhập khẩu hiện tại vẫn được áp dụng và không thay đổi.  Có thể tìm thấy bản tóm tắt các biện pháp kiểm soát trước khi nhập khẩu thông qua liên kết trong Mục 5. |
| 40 | G/SPS/N/NZL/706 | ATTP, CT, TY | Niu Di-lân | 22/12/2022 | Đề xuất sửa đổi theo Đạo luật Thực phẩm 2014 của Niu Di-lân (Mức dư lượng tối đa đối với các hợp chất nông nghiệp) | Dự thảo này bao gồm các chi tiết kỹ thuật về các đề xuất sửa đổi theo Đạo luật Thực phẩm 2014, liệt kê các mức dư lượng tối đa (MRL) đối với các hợp chất nông nghiệp ở Niu Di-lân.  Bộ Các ngành cơ bản đề xuất những nội dung sửa đổi đối với thông báo như sau:  a) Bổ sung mục mới trong thông báo đối với hợp chất sau: Triclabendazole: 0,1 mg/kg đối với mỡ, thịt và nội tạng dê; 0,005(\*) mg/kg đối với sữa;  b) Bỏ mục hiện có trong thông báo đối với dược chất sau: Pirlimycin;  (\*) chỉ ra rằng mức dư lượng tối đa đã được đặt ở hoặc gần giới hạn định lượng phân tích.  c) Bổ sung một mục mới trong Bảng 2 đối với hóa chất nông nghiệp không áp dụng mức dư lượng tối đa: Axit S-abscisic khi sử dụng làm chất điều hòa sinh trưởng thực vật;  d) Bổ sung một mục mới vào Bảng 3 đối với thuốc thú y không quy định mức dư lượng tối đa: Chiết xuất cỏ linh lăng khi dùng hỗ trợ điều trị hoặc phòng bệnh viêm loét dạ dày cho ngựa. |
| 41 | G/SPS/N/NZL/705 | ATTP, CT, TY | Niu Di-lân | 22/12/2022 | Tiêu chuẩn sức khỏe động vật nhập khẩu: Nhập khẩu giống non (155.02.06) | Các sản phẩm động vật đã qua chế biến dùng làm thực phẩm cho con người và các mục đích sử dụng khác, ví dụ: sản phẩm động vật đóng hộp, collagen, gelatine, sản phẩm trứng, sản phẩm thịt, mật và các sản phẩm chữa bệnh cho người. Giấy chứng nhận mẫu có sẵn cho một số mặt hàng khi được yêu cầu. Giấy chứng nhận mô hình không yêu cầu đàm phán chứng chỉ thú y |
| 42 | G/SPS/N/SLV/143 | BVTV | El Salvador | 21/12/2022 | Quy định kỹ thuật của Salvador - RTS 65.02.02:22 Yêu cầu kiểm dịch thực vật đối với việc nhập khẩu, sản xuất, bảo tồn, chứng nhận, vận chuyển và thương mại hóa cây có múi trong vườn ươm và địa điểm sản xuất | Quy chuẩn kỹ thuật này thiết lập các yêu cầu kiểm dịch thực vật đối với việc nhập khẩu, sản xuất, bảo tồn, chứng nhận, huy động và thương mại hóa hạt giống, vật liệu sinh dưỡng và cây có múi trong vườn ươm và địa điểm sản xuất, nhằm đảm bảo chất lượng năng suất, di truyền và kiểm dịch thực vật. Áp dụng cho các cá nhân và tổ chức tham gia nhập khẩu, sản xuất, bảo tồn, chứng nhận, huy động và thương mại hóa hạt giống, vật liệu sinh dưỡng và cây có múi được chứng nhận trên toàn lãnh thổ quốc gia. |
| 43 | G/SPS/N/SLV/142 | BVTV | El Salvador | 21/12/2022 | [Luật bảo vệ sức khỏe thực vật, thú y và an toàn thực phẩm](http://www.spsvietnam.gov.vn/notice/detailvn.aspx?pageid=70&mid=783&item=7642) | Luật này thiết lập các quy định cơ bản về sức khỏe thực vật, thú y và an toàn thực phẩm |
| 44 | G/SPS/N/SGP/80 | ATTP, TY | Singapore | 21/12/2022 | [Dự thảo Quy định về thực phẩm (sửa đổi số Y) 2022](http://www.spsvietnam.gov.vn/notice/detailvn.aspx?pageid=70&mid=783&item=7643) | SFA đề xuất những sửa đổi sau đối với Quy định về thực phẩm:  a) Quy định giới hạn dư lượng tối đa (MRL) đối với dư lượng thuốc thú y trong thực phẩm;  b) Sửa đổi định nghĩa về "thuốc thú y" trong Quy định về thực phẩm để phù hợp với định nghĩa được sử dụng bởi Ủy ban Codex Alimentarius;  c) Thông qua thuật ngữ "chất kháng sinh" và định nghĩa kèm theo (phù hợp với định nghĩa được sử dụng bởi Ủy ban Codex Alimentarius) thay cho thuật ngữ "kháng sinh" hiện tại và định nghĩa của nó trong quy định về thực phẩm |
| 45 | G/SPS/N/KOR/767 | QLCL, TY | Hàn Quốc | 21/12/2022 | Đề xuất sửa đổi quy định kiểm tra tại cửa khẩu đối với sản phẩm thủy sản | Đề xuất sửa đổi quy định kiểm tra biên giới đối với sản phẩm thủy sản:  1) Điều chỉnh đối tượng thử nghiệm lấy mẫu ngẫu nhiên cho phù hợp với quy định nêu trên;  2) Điều chỉnh sản phẩm thủy sản là đối tượng kiểm tra thuốc thú y theo kết quả rà soát hiện trạng nuôi trồng trong và ngoài nước |
| 46 | G/SPS/N/KOR/766 | BVTV, TY, CT, QLCL | Hàn Quốc | 21/12/2022 | [Thủ tục và yêu cầu kiểm tra tại chỗ cơ sở thực phẩm nước ngoài và cơ sở nước ngoài](http://www.spsvietnam.gov.vn/notice/detailvn.aspx?pageid=70&mid=783&item=7645) | Thủ tục và yêu cầu kiểm tra tại chỗ cơ sở thực phẩm nước ngoài và cơ sở nước ngoài:  1) Sửa đổi các quy định liên quan đến kiểm tra từ xa (Điều 5, v.v.)  − Đưa nội dung liên quan đến kiểm tra từ xa sau khi thành lập Điều 9-2 của Đạo luật đặc biệt về kiểm soát an toàn thực phẩm nhập khẩu;  2) Xóa bỏ các quy định được nêu trong các thông báo công khai khác (Điều 2, v.v.)  − Loại bỏ và sửa đổi các quy định liên quan sau khi ban hành Thông báo "Các tiêu chuẩn kiểm tra vệ sinh tại chỗ và quy trình kiểm tra vệ sinh đối với thực phẩm nhập khẩu, v.v. do nhà sản xuất thiết bị gốc" được ban hành vào ngày 14 tháng 6 năm 2021;  3) Sửa đổi tiêu chuẩn kiểm soát đối với cơ sở, cơ sở thực phẩm nước ngoài (Phụ lục 1-3)  − Cải tiến bao gồm bổ sung, tích hợp và xóa bỏ các tiêu chuẩn kiểm soát (hạng mục đánh giá) khi xem xét các tiêu chuẩn kiểm soát an toàn và vệ sinh thực phẩm quốc tế;  – Thống nhất từ chuẩn cho từng loại hình cơ sở |
| 47 | G/SPS/N/KOR/765 | TY, CN | Hàn Quốc | 21/12/2022 | Đề xuất sửa đổi tiêu chuẩn và thông số kỹ thuật về phụ gia thực phẩm | Các đề xuất sửa đổi chính như sau:  – Bổ sung quy định mới: “Trường hợp sản phẩm chăn nuôi nhập khẩu đã được kiểm tra tại phòng thí nghiệm hoặc lấy mẫu kiểm tra ngẫu nhiên được tái công bố nhập khẩu sau khi bị người đề nghị công bố rút hồ sơ hoặc bị người đứng đầu cơ quan Văn phòng an toàn thực phẩm và dược phẩm khu vực công bố từ chối. Các sản phẩm chăn nuôi có liên quan phải được kiểm tra trong phòng thí nghiệm có liên quan hoặc kiểm tra mẫu ngẫu nhiên."  − Bổ sung quy định mới nêu rõ: “Thủ tục miễn kiểm tra hồ sơ và kiểm tra thực địa đối với lượng nhập khẩu theo kế hoạch hàng năm đối với sản phẩm chăn nuôi do nhà nhập khẩu tốt nhập khẩu.” |
| 48 | G/SPS/N/JPN/1164 | BVTV | Nhật Bản | 21/12/2022 | Các biện pháp khẩn cấp để giảm thiểu rủi ro xâm nhập *Columnea latent viroid* (CLVd). | Để ngăn chặn sự xâm nhập của CLVd vào Nhật Bản, Bộ Nông nghiệp, Lâm nghiệp và Thủy sản Nhật Bản (MAFF) sẽ yêu cầu Tổ chức Bảo vệ Thực vật Quốc gia (NPPO) của các nước xuất khẩu chứng nhận rằng:  a) Đối với hạt giống để trồng có xuất xứ từ Thái Lan  i) Các mẫu lấy ngẫu nhiên từ cây mẹ và cây nghi ngờ có triệu chứng bệnh được xét nghiệm bằng phương pháp di truyền thích hợp như xét nghiệm RT-PCR và kết quả không có *Columnea latent viroid*;  ii) Hạt giống được xét nghiệm trước khi xuất khẩu bằng phương pháp di truyền thích hợp như xét nghiệm RT-PCR và không nhiễm *Columnea latent viroid*; 4.600 hạt giống được lấy ngẫu nhiên từ lô làm mẫu theo quy trình của Hiệp hội thử nghiệm hạt giống quốc tế (ISTA); hoặc lô hàng có số lượng hạt ít hơn 46.000 hạt thì sử dụng 10% số hạt để khảo nghiệm; chúng được chia thành nhiều nhất 400 hạt dưới dạng mẫu phụ.  b) Đối với cây sống và các bộ phận của cây để làm giống có xuất xứ từ Thái Lan (không bao gồm hạt và quả):  i) Thực vật được lấy ngẫu nhiên từ lô hàng và thực vật có triệu chứng nghi ngờ được kiểm tra trong mùa sinh trưởng hoặc trước khi xuất khẩu bằng phương pháp di truyền thích hợp như xét nghiệm RT-PCR và được xác định là không nhiễm *Columnea latent viroid*  Do đó, NPPO của các nước xuất khẩu sẽ được yêu cầu đưa vào một tuyên bố bổ sung rằng "Đáp ứng mục 26 của Phụ lục bảng 2-2 của Pháp lệnh thực thi đạo luật bảo vệ thực vật (Sắc lệnh MAF số 73/1950)." |
| 49 | G/SPS/N/BRA/2123 | BVTV | Bra-xin | 21/12/2022 | Sắc lệnh SDA Số 717, ngày 16 tháng 12 năm 2022 - Thiết lập các yêu cầu kiểm dịch thực vật đối với việc nhập khẩu hạt Ớt và Hạt tiêu (*Capsicum annuum*) từ bất kỳ nguồn gốc nào, ngoại trừ MERCOSUR | Thiết lập các yêu cầu kiểm dịch thực vật đối với việc nhập khẩu hạt ớt và hạt tiêu (*Capsicum annuum*) từ bất kỳ nguồn gốc nào, ngoại trừ *Mercosur*. |
| 50 | G/SPS/N/BRA/2122 | BVTV | Bra-xin | 21/12/2022 | Sắc lệnh SDA số 715, ngày 15 tháng 12 năm 2022 - Thiết lập các yêu cầu kiểm dịch thực vật đối với việc nhập khẩu hạt bí xanh (*Cucurbita pepo*) từ bất kỳ nguồn nào, ngoại trừ *Mercosur*. | Thiết lập các yêu cầu kiểm dịch thực vật đối với việc nhập khẩu hạt bí xanh (*Cucurbita pepo*) từ bất kỳ nguồn nào, ngoại trừ *Mercosur*. |
| 51 | G/SPS/N/BDI/35,  G/SPS/N/KEN/191,  G/SPS/N/RWA/28,  G/SPS/N/TZA/229,  G/SPS/N/UGA/231 | BVTV, TC | Đông Phi | 21/12/2022 | DEAS 802:202: Đặc điểm kỹ thuật - Sản phẩm đạm đậu nành tạo kết cấu; Phiên bản thứ hai | Dự thảo Tiêu chuẩn Đông Phi này quy định các phương pháp lấy mẫu và thử nghiệm theo yêu cầu đối với các sản phẩm protein đậu nành tạo kết cấu dành cho người tiêu dùng. |
| 52 | G/SPS/N/BDI/34,  G/SPS/N/KEN/190,  G/SPS/N/RWA/27,  G/SPS/N/TZA/228,  G/SPS/N/UGA/230 | BVTV, CT | Đông Phi | 21/12/2022 | DEAS 128:2022: Đặc điểm kỹ thuật - Gạo xay xát; Phiên bản thứ hai | Dự thảo Tiêu chuẩn Đông Phi này quy định các yêu cầu, phương pháp lấy mẫu và thử nghiệm đối với gạo xay xát của các giống được trồng từ hạt gạo (*Oryza* spp.) dùng làm thức ăn cho người |
| 53 | G/SPS/N/BDI/33,  G/SPS/N/KEN/189,  G/SPS/N/RWA/26,  G/SPS/N/TZA/227,  G/SPS/N/UGA/229 | BVTV, CT | Đông Phi | 21/12/2022 | DEAS 801:2022, Đặc điểm kỹ thuật - Sản phẩm đạm đậu nành; Phiên bản thứ hai | Dự thảo Tiêu chuẩn Đông Phi này quy định các phương pháp lấy mẫu và thử nghiệm theo yêu cầu đối với các sản phẩm protein đậu nành dành cho người tiêu dùng |
| 54 | G/SPS/N/BDI/32,  G/SPS/N/KEN/188,  G/SPS/N/RWA/25,  G/SPS/N/TZA/226,  G/SPS/N/UGA/228 | CT | Đông Phi | 21/12/2022 | DEAS 800:2022, Đặc điểm kỹ thuật - Sữa đậu nành; Phiên bản thứ hai. | Dự thảo Tiêu chuẩn Đông Phi này quy định các yêu cầu, phương pháp lấy mẫu và thử nghiệm đối với sữa đậu nành dành cho người tiêu dùng |

**2. Danh sách các văn bản quy định về SPS có hiệu lực**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Mã WTO** | **Lĩnh vực** | **Quốc gia** | **Ngày thông báo** | **Tiêu đề** | **Tóm tắt** |
| 1 | G/SPS/N/UKR/189 /Add.1 | TY | Ucraina | 20/01/2023 | Dự thảo Lệnh của Bộ Chính sách nông nghiệp và lương thực - thực phẩm Ucraina "Về việc phê duyệt các yêu cầu đối với việc tiếp thị thịt bò từ 12 tháng tuổi trở lên" | Ucraina thông báo rằng dự thảo Lệnh của Bộ Chính sách nông nghiệp và lương thực - thực phẩm Ucraina "Về việc phê duyệt các yêu cầu đối với việc tiếp thị thịt bò từ 12 tháng tuổi trở lên" đã được thông qua vào ngày 5 tháng 12 năm 2022 (Lệnh số 975), đã được đăng ký với Bộ Tư pháp Ucraina vào ngày 20 tháng 12 năm 2022, được công bố và có hiệu lực vào ngày 13 tháng 01 năm 2023. Lệnh sẽ được ban hành vào ngày 01 tháng 01 năm 2026. |
| 2 | G/SPS/N/JPN/1074 /Add.1 | ATTP, BVTV, TY | Nhật Bản | 19/01/2023 | Thông số kỹ thuật và tiêu chuẩn đối với thực phẩm, phụ gia thực phẩm, v.v... theo Đạo luật vệ sinh thực phẩm (Sửa đổi tiêu chuẩn dư lượng hóa chất nông nghiệp, quy tắc cuối cùng) | Các giới hạn dư lượng tối đa (MRLs) được đề xuất cho fluensulfone được thông báo trong G/SPS/N/JPN/1074 (ngày 25 tháng 7 năm 2022) đã được thông qua và công bố vào ngày 22 tháng 11 năm 2022. Các MRL được chỉ định trong link bên dưới: <https://members.wto.org/crnattachments/2023/SPS/JPN/23_0504_00_e.pdf> |
| 3 | G/SPS/N/JPN/1073 /Add.1 | ATTP, BVTV, TY | Nhật Bản | 19/01/2023 | Thông số kỹ thuật và tiêu chuẩn đối với thực phẩm, phụ gia thực phẩm, v.v... theo Đạo luật vệ sinh thực phẩm (Sửa đổi tiêu chuẩn dư lượng hóa chất nông nghiệp, quy tắc cuối cùng) | Các giới hạn dư lượng tối đa (MRLs) được đề xuất cho fenpyroximate được thông báo trong G/SPS/N/JPN/1073 (ngày 25 tháng 7 năm 2022) đã được thông qua và công bố vào ngày 22 tháng 11 năm 2022. Các MRL được chỉ định trong link bên dưới: <https://members.wto.org/crnattachments/2023/SPS/JPN/23_0503_00_e.pdf> |
| 4 | G/SPS/N/JPN/1072 /Add.1 | ATTP, TY | Nhật Bản | 19/01/2023 | Thông số kỹ thuật và tiêu chuẩn đối với thực phẩm, phụ gia thực phẩm, v.v... theo Đạo luật vệ sinh thực phẩm (Sửa đổi tiêu chuẩn dư lượng hóa chất nông nghiệp, quy tắc cuối cùng) | Các giới hạn dư lượng tối đa (MRLs) được đề xuất cho nicarbazin được thông báo trong G/SPS/N/JPN/1072 (ngày 25 tháng 7 năm 2022) đã được thông qua và công bố vào ngày 22 tháng 11 năm 2022. Các MRL được chỉ định trong link bên dưới:  <https://members.wto.org/crnattachments/2023/SPS/JPN/23_0502_00_e.pdf> |
| 5 | G/SPS/N/JPN/1071 /Add.1 | ATTP, BVTV, TY | Nhật Bản | 19/01/2023 | Thông số kỹ thuật và tiêu chuẩn đối với thực phẩm, phụ gia thực phẩm, v.v... theo Đạo luật vệ sinh thực phẩm (Sửa đổi tiêu chuẩn dư lượng hóa chất nông nghiệp, quy tắc cuối cùng) | Các giới hạn dư lượng tối đa (MRLs) được đề xuất cho tetraconazole được thông báo trong G/SPS/N/JPN/1071 (ngày 25 tháng 7 năm 2022) đã được thông qua và công bố vào ngày 22 tháng 11 năm 2022. Các MRL được chỉ định trong link bên dưới:  <https://members.wto.org/crnattachments/2023/SPS/JPN/23_0501_00_e.pdf> |
| 6 | G/SPS/N/JPN/1070 /Add.1 | ATTP, TY, QLCL | Nhật Bản | 19/01/2023 | Thông số kỹ thuật và tiêu chuẩn đối với thực phẩm, phụ gia thực phẩm, v.v... theo Đạo luật vệ sinh thực phẩm (Sửa đổi tiêu chuẩn dư lượng hóa chất nông nghiệp, quy tắc cuối cùng) | Các giới hạn dư lượng tối đa (MRLs) được đề xuất cho cloxacillin được thông báo trong G/SPS/N/JPN/1070 (ngày 25 tháng 7 năm 2022) đã được thông qua và công bố vào ngày 22 tháng 11 năm 2022. Các MRL được chỉ định trong link bên dưới:  <https://members.wto.org/crnattachments/2023/SPS/JPN/23_0500_00_e.pdf> |
| 7 | G/SPS/N/JPN/1069 /Add.1 | ATTP, TY | Nhật Bản | 19/01/2023 | Thông số kỹ thuật và tiêu chuẩn đối với thực phẩm, phụ gia thực phẩm, v.v... theo Đạo luật vệ sinh thực phẩm (Sửa đổi tiêu chuẩn dư lượng hóa chất nông nghiệp, quy tắc cuối cùng) | Các giới hạn dư lượng tối đa (MRLs) được đề xuất cho didecyldimethylammonium chloride được thông báo trong G/SPS/N/JPN/1069 (ngày 25 tháng 7 năm 2022) đã được thông qua và công bố vào ngày 22 tháng 11 năm 2022. Các MRL được chỉ định trong link bên dưới:  <https://members.wto.org/crnattachments/2023/SPS/JPN/23_0499_00_e.pdf> |
| 8 | G/SPS/N/JPN/1068 /Add.1 | ATTP, TY | Nhật Bản | 19/01/2023 | Thông số kỹ thuật và tiêu chuẩn đối với thực phẩm, phụ gia thực phẩm, v.v... theo Đạo luật vệ sinh thực phẩm (Sửa đổi tiêu chuẩn dư lượng hóa chất nông nghiệp, quy tắc cuối cùng) | Các giới hạn dư lượng tối đa (MRLs) được đề xuất cho 1,2-dichlorobenzene được thông báo trong G/SPS/N/JPN/1068 (ngày 25 tháng 7 năm 2022) đã được thông qua và công bố vào ngày 22 tháng 11 năm 2022. Các MRL được chỉ định trong link bên dưới:  <https://members.wto.org/crnattachments/2023/SPS/JPN/23_0498_00_e.pdf> |
| 9 | G/SPS/N/JPN/1067 /Add.1 | ATTP, TY, QLCL | Nhật Bản | 19/01/2023 | Thông số kỹ thuật và tiêu chuẩn đối với thực phẩm, phụ gia thực phẩm, v.v... theo Đạo luật vệ sinh thực phẩm (Sửa đổi tiêu chuẩn dư lượng hóa chất nông nghiệp, quy tắc cuối cùng) | Các giới hạn dư lượng tối đa (MRLs) được đề xuất cho etofenprox được thông báo trong G/SPS/N/JPN/1067 (ngày 25 tháng 7 năm 2022) đã được thông qua và công bố vào ngày 22 tháng 11 năm 2022. Các MRL được chỉ định trong link bên dưới:  <https://members.wto.org/crnattachments/2023/SPS/JPN/23_0497_00_e.pdf> |
| 10 | G/SPS/N/JPN/1066 /Add.1 | ATTP, BVTV | Nhật Bản | 19/01/2023 | Thông số kỹ thuật và tiêu chuẩn đối với thực phẩm, phụ gia thực phẩm, v.v... theo Đạo luật vệ sinh thực phẩm (Sửa đổi tiêu chuẩn dư lượng hóa chất nông nghiệp, quy tắc cuối cùng) | Các giới hạn dư lượng tối đa (MRLs) được đề xuất cho florasulam được thông báo trong G/SPS/N/JPN/1066 (ngày 25 tháng 7 năm 2022) đã được thông qua và công bố vào ngày 22 tháng 11 năm 2022. Các MRL được chỉ định trong link bên dưới:  <https://members.wto.org/crnattachments/2023/SPS/JPN/23_0496_00_e.pdf> |
| 11 | G/SPS/N/EU/400 /Add.1 | TY, CN | Liên minh châu Âu | 16/01/2023 | Cấp phép axit linoleic liên hợp (t10, c12)-methylester làm phụ gia thức ăn cho lợn để vỗ béo và bò sữa | Đề xuất được thông báo trong G/SPS/N/EU/400 (ngày 21 tháng 7 năm 2020) hiện được thông qua bởi Quy định thực thi của Ủy ban (EU) 2023/60 ngày 05 tháng 01 năm 2023 liên quan đến việc cấp phép axit linoleic liên hợp (t10, c12)-metylester làm phụ gia thức ăn cho lợn để vỗ béo và bò sữa (Văn bản có liên quan đến EEA) [OJ L 5, ngày 06 tháng 01 năm 2023, tr. 19].  Quy định này sẽ có hiệu lực vào ngày thứ hai mươi sau khi được công bố trên Công báo của Liên minh châu Âu. |
| 12 | G/SPS/N/DNK/6 /Add.1 | BVTV, CT, TY, QLCL | Đan Mạch | 16/01/2023 | Lệnh liên quan xét nghiệm SARS-CoV-2 ở động vật bộ thú | Lệnh trên COVID-19 ở động vật bộ thú:  Đề xuất được thông báo trong G/SPS/N/DNK/6 (ngày 10 tháng 01 năm 2022) hiện được sửa đổi. Luật pháp liên quan đến việc dỡ bỏ tạm thời lệnh cấm nuôi chồn ở Đan Mạch. Điều 19 của Luật liên quan đến việc nhập khẩu chồn vào Đan Mạch và các yêu cầu kiểm tra sau đây phải được đáp ứng khi đến điểm đến cuối cùng ở Đan Mạch:  (1). Đảm bảo rằng khi nhập khẩu động vật bộ thú vào Đan Mạch, các mẫu gạc hầu, họng được thu thập từ 60 động vật khi đến điểm đến cuối cùng ở Đan Mạch và các mẫu được gửi đến phòng thí nghiệm tham chiếu quốc gia hoặc phòng thí nghiệm được cơ quan có thẩm quyền chỉ định chính thức thực hiện phân tích SARS-CoV-2 (bằng xét nghiệm PCR).  (2). Đảm bảo rằng một bản sao kết quả phân tích của các phân tích được đề cập trong tiểu mục (1) được phòng thí nghiệm chuyển trực tiếp đến Cục Quản lý thực phẩm và thú y Đan Mạch.  (3). Đảm bảo rằng những con vật có lông mao được giữ cách ly với những con vật có lông mao khác ở điểm đến cuối cùng cho đến khi có kết quả xét nghiệm âm tính.  Các yêu cầu được đề cập trong Điều 19 là lý do cho quy trình thông báo theo Hiệp định SPS vì nó liên quan đến các vấn đề thương mại/nhập khẩu. Các yêu cầu bổ sung trong luật không có bất kỳ tác động/quan hệ nào đối với các vấn đề thương mại/nhập khẩu.  Lệnh có hiệu lực từ ngày 05 tháng 01 năm 2023. Lệnh được đính kèm toàn văn bằng tiếng Đan Mạch theo đường link bên dưới. <https://members.wto.org/crnattachments/2023/SPS/DNK/23_0428_00_x.pdf> |
| 13 | G/SPS/N/TPKM/594 /Add.1 | BVTV, CT, TY, QLCL | Đâì Loan | 12/01/2023 | Dự thảo tiêu chuẩn vệ sinh dụng cụ, đồ đựng, bao bì thực phẩm | Đài Loan thông báo Dự thảo tiêu chuẩn vệ sinh đối với dụng cụ, đồ đựng và bao bì thực phẩm, ngày 30 tháng 8 năm 2022 (G/SPS/N/TPKM/594) hiện đã được hoàn thiện. Phiên bản cuối cùng của Tiêu chuẩn sẽ có hiệu lực vào ngày 11 tháng 01 năm 2023. |
| 14 | G/SPS/N/CAN/1425 /Add.1 | BVTV | Canada | 11/01/2023 | D-98-08 Yêu cầu nhập cảnh đối với vật liệu đóng gói bằng gỗ vào Canada | Cơ quan thanh tra thực phẩm Canada (CFIA) đã công bố các bản cập nhật cho chỉ thị về vật liệu đóng gói bằng gỗ (WPM): D-98-08 Yêu cầu nhập cảnh đối với vật liệu đóng gói bằng gỗ vào Canada, đã được thông báo trước đó trong G/SPS/N /CAN/1425.  Chỉ thị này cung cấp các yêu cầu đối với việc nhập khẩu tất cả các vật liệu đóng gói bằng gỗ (WPM) bao gồm vật liệu chèn lót, pallet hoặc thùng làm từ gỗ vào Canada từ tất cả các khu vực ngoại trừ Hoa Kỳ lục địa (US).  Các sửa đổi đối với D-98-08 nhằm phản ánh các bản cập nhật ISPM 15 gần đây và quan trọng hơn là bao gồm vật liệu chèn lót mới trên tàu, đã được thông báo cho Ủy ban SPS trong G/SPS/N/CAN/1359 và G/SPS/N/CAN/1359/Add.1.  Vật liệu chèn lót mới trên tàu kết hợp các biện pháp giảm thiểu dịch hại rừng với cách tiếp cận linh hoạt và dễ áp dụng, đồng thời thúc đẩy và khuyến khích sử dụng vật liệu tuân thủ ISPM 15.  Vào ngày 06 tháng 01 năm 2023, CFIA đã công bố chỉ thị sửa đổi, bao gồm cả chương trình chèn lót mới trên tàu.  Thời gian chuyển tiếp kéo dài sáu tháng sẽ được áp dụng cho đến ngày 06 tháng 7 năm 2023, sau đó các yêu cầu mới sẽ có hiệu lực. |
| 15 | G/SPS/N/USA/3096 /Add.1 | ATTP | Hoa Kỳ | 09/01/2023 | Phụ gia thực phẩm được phép bổ sung trực tiếp vào thực phẩm cho con người; Vitamin D3; Quy tắc cuối cùng | Cơ quan Quản lý Thực phẩm và Dược phẩm (FDA) đang sửa đổi các quy định về phụ gia thực phẩm để cung cấp việc sử dụng an toàn vitamin D3 như một chất bổ sung dinh dưỡng trong ngũ cốc ăn sáng và thanh làm từ ngũ cốc và để cập nhật tài liệu tham khảo về các thông số kỹ thuật của Vitamin D3. Hoa Kỳ đang thực hiện hành động này để đáp lại đơn kiến nghị của Công ty Kellogg (Kellogg)  https://www.govinfo.gov/content/pkg/FR-2023-01-05/pdf/2022-28428.pdf https://members.wto.org/crnattachments/2023/SPS/USA/23\_0265\_00\_e.pd |
| 16 | G/SPS/N/BRA/2081 /Add.1 | ATTP, BVTV | Bra-xin | 05/01/2023 | [Dự thảo Nghị quyết - RDC số 1117, ngày 22 tháng 9 năm 2022](http://www.spsvietnam.gov.vn/notice/detailvn.aspx?pageid=70&mid=783&item=7674) | Dự thảo Nghị quyết - RDC số 1117, ngày 22 tháng 9 năm 2022 - đã được thông báo trước đó thông qua G/SPS/N/BRA/2081 - được coi là đề xuất đưa vào các hoạt chất A26 – azoxystrobin, A29 – acetamiprid, A67 – afidopyropene, B46 - benzovindiflupyr , C36 – cyproconazole, D36 – difenoconazole, E30 – etoxazole, F36 – flutriafol, I30 – impirfluxam, P21 – propiconazole, P43 – pyrimethanil, T32 – tebuconazole, T39 – terbuthylazineon vào danh sách chuyên khảo về các thành phần hoạt tính cho thuốc trừ sâu, sản phẩm tẩy rửa gia dụng và chất bảo quản gỗ, được xuất bản bởi Hướng dẫn quy chuẩn số 103 - 19 tháng 10 năm 2021 trên Công báo Bra-xin (DOU – Diário Oficial da União), đã được thông qua làm Hướng dẫn quy chuẩn số 204, 27 tháng 12 năm 2022.  Văn bản cuối cùng chỉ có bằng tiếng Bồ Đào Nha và có thể tải xuống tại:  http://antigo.anvisa.gov.br/documents/10181/6494642/IN\_204\_2022\_.pdf/f0d1c7c3-7af9-477eae22-515c2ea8bb49 |
| 17 | G/SPS/N/BRA/2080 /Add.1 | ATTP, BVTV | Bra-xin | 05/01/2023 | [Dự thảo Nghị quyết số 1116, ngày 16 tháng 9 năm 2022](http://www.spsvietnam.gov.vn/notice/detailvn.aspx?pageid=70&mid=783&item=7675) | Dự thảo Nghị quyết số 1116, ngày 16 tháng 9 năm 2022 - đã được thông báo thông qua G/SPS/N/BRA/2080 - được coi là đề xuất đưa hoạt chất B59 - BENALAXIL-M vào danh sách chuyên khảo về các thành phần hoạt tính cho thuốc trừ sâu, sản phẩm tẩy rửa gia dụng và chất bảo quản gỗ, được xuất bản bởi Hướng dẫn quy chuẩn số 103 - 19 tháng 10 năm 2021 trên Công báo Bra-xin (DOU - Diário Oficial da União), đã được thông qua làm Hướng dẫn quy chuẩn số 202, Ngày 23 tháng 12 năm 2022.  Văn bản cuối cùng chỉ có bằng tiếng Bồ Đào Nha và có thể tải xuống tại:  http://antigo.anvisa.gov.br/documents/10181/6491325/IN\_202\_2022\_.pdf/51ec0551-4803-438cafd8-a30d8dd8edcf |
| 18 | G/SPS/N/BRA/2079 /Add.1 | ATTP, BVTV | Bra-xin | 05/01/2023 | [Dự thảo Nghị quyết số 1111, ngày 1 tháng 9 năm 2022](http://www.spsvietnam.gov.vn/notice/detailvn.aspx?pageid=70&mid=783&item=7676) | Dự thảo Nghị quyết số 1111, ngày 1 tháng 9 năm 2022 - đã được thông báo trước đó thông qua G/SPS/N/BRA/2079 - được coi là đề xuất cập nhật hoạt chất A26 – azoxystrobin, A29 – acetamiprid, B54 – bixafem, C60 – zeta - cypermethrin, C36– cyproconazole, C40 – chlorfenapyr, C52 – benzalkonium chloride, C70 – chloranthraniliprole, E25 – spirodiclofen, F68 – fluxapyroxad, F69 – flupyradifurone, M49 – metominostrobin, M52 – mefentrifluconazole, P50 – picoxystrobin, P53 – prothioconazole, S09 – sulfentrazone , T32 – tebuconazole, T54 – trifloxystrobin và T56 – trinexapak - ethylon vào danh sách chuyên khảo về các thành phần hoạt tính cho thuốc trừ sâu, sản phẩm tẩy rửa gia dụng và chất bảo quản gỗ, được xuất bản bởi Chỉ thị quy phạm số 103 - 19 tháng 10 năm 2021 trên Công báo Bra-xin (DOU - Diário Oficial da União), đã được thông qua làm Hướng dẫn Quy chuẩn số 203, ngày 26 tháng 12 năm 2022.  Văn bản cuối cùng chỉ có bằng tiếng Bồ Đào Nha và có thể tải xuống tại:  http://antigo.anvisa.gov.br/documents/10181/6485705/IN\_203\_2022\_.pdf/1ca1c928-d7d9-41ffb043-4449ddbda3c3 |
| 19 | G/SPS/N/BRA/2072 /Add.1 | ATTP, BVTV | Bra-xin | 05/01/2023 | [Dự thảo Nghị quyết số 1110, ngày 25 tháng 8 năm 2022](http://www.spsvietnam.gov.vn/notice/detailvn.aspx?pageid=70&mid=783&item=7677) | Dự thảo Nghị quyết số 1110, ngày 25 tháng 8 năm 2022 - đã được thông báo thông qua G/SPS/N/BRA/2072 - là đề xuất đưa vào hoạt chất A69: Mexican Argemone vào danh sách chuyên khảo về các thành phần hoạt chất cho thuốc trừ sâu, sản phẩm tẩy rửa gia dụng và chất bảo quản gỗ, được xuất bản bởi Hướng dẫn quy chuẩn số 103 - 19 tháng 10 năm 2021 trên Công báo Bra-xin (DOU - Diário Oficial da União), đã được thông qua làm Hướng dẫn quy chuẩn số 201, Ngày 23 tháng 12 năm 2022.  Văn bản cuối cùng chỉ có bằng tiếng Bồ Đào Nha và có thể tải xuống tại:  http://antigo.anvisa.gov.br/documents/10181/6481878/IN\_201\_2022\_.pdf/95e4e5cf-ab8e-4d15b37c-30e18c6f8b48 |
| 20 | G/SPS/N/NZL/697 /Add.1 | TY | Niu Di-lân | 22/12/2022 | [Tiêu chuẩn sức khỏe nhập khẩu: Zoo Carnivora](http://www.spsvietnam.gov.vn/notice/detailvn.aspx?pageid=70&mid=783&item=7660) | Giai đoạn tham vấn đã kết thúc và tiêu chuẩn sức khỏe nhập khẩu cuối cùng đã được phê duyệt.  https://members.wto.org/crnattachments/2022/SPS/NZL/22\_8727\_00\_e.pdf |
| 21 | G/SPS/N/TUR/97 /Add.1 | CT, ATTP, TY | Thổ Nhĩ Kỳ | 21/12/2022 | Thông cáo về Casein và Caseinat ăn được | Đề xuất về thông cáo về Casein và Caseinat ăn được, được thông báo trong G/SPS/N/TUR/97 vào ngày 26 tháng 01 năm 2018 hiện được đăng trên công báo của Cộng hòa Türkiye ngày 13 tháng 12 năm 2022 và được đánh số 32042. Thông cáo này có hiệu lực vào ngày công bố. Các nhà kinh doanh thực phẩm hoạt động trước ngày công bố thông cáo này phải tuân thủ các quy định của thông cáo này cho đến ngày 31 tháng 12 năm 2023.  https://www.resmigazete.gov.tr/eskiler/2022/12/20221213-12.htm https://members.wto.org/crnattachments/2022/SPS/TUR/22\_8865\_00\_x.pdf |

Chi tiết nội dung dự thảo xin truy cập địa chỉ: http://www.spsvietnam.gov.vn/thong-bao-cac-nuoc-thanh-vien hoặc tham khảo trên: https://docs.wto.org